

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính
và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong
lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của
Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-BNNMT ngày 09/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc quyết định công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND

tình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1556/TTr-SNNMT ngày 16/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết TTHC được chuẩn hóa trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Danh mục TTHC được chuẩn hóa tại Phụ lục I.
2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC tại Phụ lục II.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm

a) Đăng tải công khai đầy đủ Danh mục, nội dung của từng TTHC trên Trang thông tin điện tử thành phần của Sở, niêm yết công khai tại cơ quan.

b) Tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định pháp luật và nội dung công bố tại Quyết định này.

c) Gửi nội dung cụ thể của TTHC được công bố đến Sở Khoa học và Công nghệ để cập nhật lên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và gửi Văn phòng UBND tỉnh để theo dõi, kiểm soát nội dung.

d) Thực hiện đăng nhập các TTHC được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng, thiết lập quy trình điện tử giải quyết TTHC và đăng tải công khai dữ liệu nội dung cụ thể của từng TTHC được công bố lên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định.

3. UBND cấp huyện thực hiện niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ Danh mục và nội dung cụ thể của TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định; đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật và nội dung công bố tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế Danh mục TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường đã được Chủ

tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 25/3/2025, số 570/QĐ-UBND ngày 16/4/2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

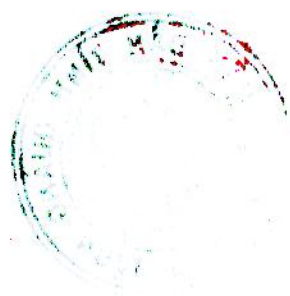
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC_(X).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Phước Hiền



PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHỨNG CHẤM HÓA LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VÀ UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số 617 /QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (07 TTHC)					
1	1.008128.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thú y hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp.	Thẩm định lần đầu 2.300.000 đồng	- Luật Chăn nuôi Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
2	1.008126.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại,	+ Trường hợp 1: Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện		

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	chính, thức ăn đậm đặc: Thời hạn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. + Trường hợp 2: Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: Thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai. gov.vn	thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thăm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thăm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 4.300.000 đồng/01 cơ sở/lần.	định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	1.008129.000. 00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai. gov.vn	- Thẩm định cấp lại: 250.000 đồng. - Thẩm định duy trì: 1.500.000 đồng Phí - Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 4.300.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Luật Chăn nuôi - Nghị định số 46/2022/ND-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/ND-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.
4	1.008127.000. 00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			

T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	1.012832.H48	Đề xuất hồ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.
6	1.012833.H48	Quyết định hồ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	32 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			
7	1.012834.H48	Quyết định hồ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước				

II LĨNH VỰC THỦ Y (11 TTHC)

1	1.011475.H48	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khác phục theo quy định: 20 ngày; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khác phục theo quy định: 20 ngày	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn	Phí thẩm định: 300.000 đồng/lần	- Luật Thú y ngày 19/06/2015; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
---	--------------	---	---	---	---------------------------------	--

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hoàn thiện hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc			

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			phục.			- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y.
2	1.001686.000. 00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thú tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn	230.000 đồng	- Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quy định về quản lý thuốc thú y. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.
3	2.000873.000. 00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	- 01 ngày làm việc (Đối động thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh)	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	100.000 hàng đồng/lô	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh). - 04 ngày làm việc (Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Thú y)	Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn		25/12/2018; Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chăn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
4	1.002338.000. 00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận	- 05 ngày làm việc, (Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thú tục hành chính tỉnh	* Phí: (Phí kiểm tra lâm sàng động vật): + Trâu, bò, ngựa,	- Luật Thú y ngày 19/6/2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y.

T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y); - 01 ngày làm việc, (Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm	Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn - Trả kết quả:	lừa, la, dê, cừu, đà điểu: 50.000 đồng/lô hàng (xe ô tô) + Lợn: 60.000 đồng/lô hàng (xe ô tô) + Hổ, báo, voi, hươu, nai, sư tử, bò rừng và động vật khác có khối lượng tương đương: 300.000 đồng/lô hàng (xe ô tô)	- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, nuôi thí nghiệm, ong

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			theo Thông tư số 25/2016/TT- BNNPTNT BNNPTNT);		nuôi và động vật khác có khối lượng tương đương: 100.000 đồng/ lô hàng (xe ô tô) - Phí kiểm dịch sản phẩm động vật, thực ăn chăn nuôi và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật (chưa bao gồm chi phí xét nghiệm): + Sản phẩm động vật đông lạnh: 200.000 đồng/Container (Lô hàng) + Sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật: 100.000 đồng/Container (Lô	quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 283/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					hàng)	
5	1.011478.000. 00.00.H48	Cấp Giấy nhận chứng an toàn vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khác phục theo quy định: 30 ngày; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khác phục theo quy định: 30 ngày kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ,	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn	Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần	- Luật Thú y ngày 19/06/2015; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hợp lệ; phải thực hiện khác phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian thực hiện khác phục; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khác phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khác phục.			

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	1.004022.000. 00.00.H48	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau:	900.000 đồng	- Luật Thú y ngày 19/6/2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y. - Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quy định về quản lý thuốc thú y.
				- Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn		- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.
7	1.005319.000. 00.00.H48	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thú tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng	Lệ phí: 50.000 đồng	- Luật Thú y ngày 19/6/2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y. - Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh		Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai. gov.vn		tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Thông tư 13/2016/TT- BNNPTNT ngày 026/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quy định về quản lý thuốc thú y. - Thông tư số 285/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu,

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.
8	1.011477.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn	Phí thẩm định 300.000 đồng/lần	- Luật Thú y ngày 19/06/2015; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
9	1.004839.000. 00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai. gov.vn	230.000 đồng	- Luật Thú y ngày 19/6/2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y. - Nghị định 123/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quy định về quản lý thuốc thú y. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.
10	1.011479.000. 00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thú tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các	Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần	- Luật Thú y ngày 19/06/2015; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai. gov.vn		chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
11	2.001064.000. 00.00.H48	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn	- Cấp mới: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Gia hạn: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ:	50.000 đồng	- Luật Thú y ngày 19/6/2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y. - Thông tư số 285/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)		dichvucong.quangngai. gov.vn		mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT- BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thảm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (02 TTHC)					
1	1.012836.H48	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	90 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.quangngai.gov.vn	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi
2	1.012837.H48	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ.			

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ CỦA QUÝT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI
VÀ THỦ Y THUỘC THAM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG,
UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Lưu ý quy cách thực hiện và quy ước viết tắt trong quy trình:

- *Khi chuyển hồ sơ giấy:* Chuyển đầy đủ Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01- Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh); Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 04-Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh) và kèm theo hồ sơ của tổ chức, công dân (trong quy trình viết gọn "Hồ sơ").

- *Khi phân công xử lý hồ sơ, chuyển tiếp hồ sơ từ bộ phận này sang bộ phận khác xử lý:*

Phải ký, ghi rõ họ tên người phân công/người chuyển tiếp, người nhận trên Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu 04). Đồng thời, phải xử lý phân công/chuyển tiếp trên phần mềm điện tử, trùng khớp với Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu 04).

- *Xử lý việc dừng giải quyết hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ còn thiếu thông tin, chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: Trong thời hạn quy định, kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi/Bộ phận Một cửa chuyển đến phải ban hành Thông báo bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ theo đúng mẫu (Mẫu 07- Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh); trừ trường hợp phát sinh bổ sung hồ sơ theo quy định pháp luật.

+ Trường hợp không đủ cơ sở để giải quyết theo quy định: Ban hành Thông báo trả hồ sơ (Mẫu 08- Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh).

+ Việc ký ban hành thông báo Mẫu số 07, Mẫu số 08: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đang trực tiếp xử lý, thẩm định tại các bước của quy trình giải quyết các thủ tục hoặc ủy quyền cho cơ quan, đơn vị cấp dưới có thẩm quyền trực tiếp ký ban hành thông báo.

- Quy ước viết tắt trong Quy trình giải quyết:

- + Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, viết tắt là: “Mẫu số 01”.
- + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, viết tắt là: “Mẫu số 04”.
- + Thông báo bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ, viết tắt là: “Mẫu số 07”.
- + Thông báo trả hồ sơ không giải quyết, viết tắt là: “Mẫu số 08”.
- + Các bước trong quy trình, viết tắt là: “B1, B2, B3...”.
- + Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, viết tắt là “Trung tâm”.
- + Công chức, viên chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, viết tắt là: “Công chức, viên chức tại Trung tâm”.
- + Sở Nông nghiệp và Môi trường, viết tắt là: “Sở NNNMT”.
- + Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, viết tắt là: “Lãnh đạo Sở”.
- + Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, viết tắt là: “CNTY”.

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn
Thời hạn giải quyết: 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	04 giờ làm việc	- Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ làm việc	- Hồ sơ
	Lãnh đạo phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ làm việc	- Hồ sơ
B4: Kiểm tra, xử lý hồ sơ	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ; - Dự thảo văn bản trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên xử lý	19 ngày làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B5: xem xét/ đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận

B6: Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Sở NNMT	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng
B7: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	Dự thảo Giấy chứng nhận
B8: Phát hành kết quả giải quyết	- Văn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm - Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thông báo và thu phí (nếu có). - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.	Văn thư	04 giờ làm việc	Giấy chứng nhận
B9: Trả kết quả		- Công chức tại Trung tâm; - Tổ chức, cá nhân.	Trong giờ hành chính	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng

Thời gian giải quyết TTHC:

- + Trường hợp 1: Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: Thời hạn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- + Trường hợp 2: Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: Thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	04 giờ làm việc	- Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ làm việc	- Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ làm việc	- Hồ sơ
B4: Kiểm tra, xử lý hồ sơ	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ; - Dự thảo văn bản trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên xử lý	Trường hợp 1: 20 ngày làm việc Trường hợp 2: 07 ngày làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B5: xem xét/ đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng	02 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B6: Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo chi cục CNTY	02 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B7: Ký duyệt	Xem xét ký kết quả hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ làm	

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
hồ sơ			việc	Giấy chứng nhận
B8: Phát hành kết quả giải quyết	- Văn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Văn thư	04 giờ làm việc	- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng
B9: Trả kết quả	- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thông báo và thu phí (nếu có). - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.	- Công chức tại Trung tâm; - Tổ chức, cá nhân.	Trong giờ hành chính	Trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân

3. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn
Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ làm việc	

B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ làm việc	- Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ làm việc	- Hồ sơ
B4: Kiểm tra, xử lý hồ sơ	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ; - Dự thảo văn bản trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên xử lý	03 ngày làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B5: xem xét/ đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B6: Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B7: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở	04 giờ làm việc	Giấy chứng nhận
B8: Phát hành kết quả giải quyết	Văn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Văn thư	02 giờ làm việc	Giấy chứng nhận
B9: Trả kết quả	- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thông báo và thu phí (nếu có). - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.	- Công chức tại Trung tâm; - Tổ chức, cá nhân.	Trong giờ hành chính	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng

Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ làm việc	- Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ làm việc	- Mẫu số 01 - Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ làm việc	- Hồ sơ
B4: Kiểm tra, xử lý hồ sơ	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ; - Dự thảo văn bản trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên xử lý	02 ngày làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B5: xem xét/ đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng	02 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B6: Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B7: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở	04 giờ làm việc	Giấy chứng nhận
B8: Phát hành kết quả giải quyết	Văn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Văn thư	02 giờ làm việc	Giấy chứng nhận
B9: Trả kết quả	- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thông báo và thu phí (nếu có). - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.	- Công chức tại Trung tâm; - Tổ chức, cá nhân.	Trong giờ hành chính	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

5. Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công

Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu 01; - Mẫu 04; - Hồ sơ

B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ	Hồ sơ
B3: Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ	Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ	
B4: Xử lý hồ sơ	Tham mưu xử lý, thẩm định hồ sơ theo quy định	Chuyên viên xử lý	12 ngày	- Hồ sơ. - Văn bản thẩm tra hồ trợ đầu tư - Dự thảo Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B5: Xem xét, đề xuất	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Chi cục.			- Hồ sơ. - Văn bản thẩm tra hồ trợ đầu tư
		Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ	- Dự thảo Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết

B6: Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ	- Hồ sơ - Văn bản thẩm tra hồ trợ đầu tư - Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B7: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở	04 giờ	- Hồ sơ - Văn bản thẩm tra hồ trợ đầu tư - Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B8: Phát hành kết quả giải quyết	Văn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Văn thư	04 giờ	- Văn bản thẩm tra hồ trợ đầu tư - Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B9: Trả kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu số 04. - Mời công dân đánh giá mức độ hài lòng. - Kết thúc Hồ sơ trên phần mềm.	- Công chức, viên chức tại Trung tâm - Tổ chức, cá nhân	Trong giờ hành chính	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thu lại mẫu số 01

6. Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công

Thời hạn giải quyết: 32 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận Hồ sơ - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	Tổ chức, cá nhân; công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01. - Mẫu số 04. - Hồ sơ.
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ	- Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ	Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ	
B4: Xử lý hồ sơ	Tham mưu xử lý, thẩm định hồ sơ theo quy định	Chuyên viên xử lý	17 ngày	- Hồ sơ - Dự thảo Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết

B5: Xem xét, đề xuất	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Chi cục.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	01 ngày	- Hồ sơ - Dự thảo Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B6: Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục CNTY	01 ngày	Dự thảo Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B7: Phê duyệt của lãnh đạo Sở và gửi hồ sơ liên thông	- Lãnh đạo Sở xem xét, duyệt hồ sơ trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định. - Chuyển hồ sơ liên thông đến Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	02 ngày	Dự thảo Quyết định
Tiếp nhận, luân chuyển và xử lý hồ sơ liên thông tại Văn phòng UBND tỉnh				
B8: Tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm	Trung tâm nhận hồ sơ liên thông, luân chuyển về Văn phòng UBND tỉnh xử lý	Trung tâm	02 giờ	- Hồ sơ.
B9: Phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ	- Hồ sơ.

B10: Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn tham mưu xử lý	Phòng chuyên môn Văn phòng UBND tỉnh	08 ngày	Dự thảo văn bản
B11: Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phê duyệt, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định	Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	Dự thảo văn bản
B12: Xem xét, quyết định Hồ sơ	Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 giờ	Văn bản
B13: Phát hành kết quả giải quyết	- Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ. - Chuyển kết quả giải quyết cho Trung tâm.	Văn thư	04 giờ	Văn bản (Quyết định)
B14: Trả kết quả	- Công chức, viên chức tại Trung tâm trả kết quả sau khi công dân thực hiện nghĩa vụ tài chính - Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu 04 - Mời công dân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc việc trả kết quả trên phần mềm	- Công chức, viên chức tại Trung tâm - Tổ chức, cá nhân	Trong giờ hành chính	- Thu lại mẫu số 01 - Trả kết quả cho tổ chức, công dân.

7. Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân. - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01. - Mẫu số 04. - Hồ sơ.
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý.	Công chức, viên chức tại Trung tâm	04 giờ	- Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ	Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ	
B4: Xử lý hồ sơ	Tham mưu xử lý, thẩm định hồ sơ theo quy định	Chuyên viên	10 ngày	- Hồ sơ - Dự thảo Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết

B5: Xem xét, đề xuất	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Chi cục.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ	- Hồ sơ - Dự thảo Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B6: Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ	Dự thảo Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B7: Phê duyệt của lãnh đạo Sở và gửi hồ sơ liên thông	- Lãnh đạo Sở xem xét, duyệt hồ sơ trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định. - Chuyển hồ sơ liên thông đến Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Dự thảo Quyết định
Tiếp nhận, luân chuyển và xử lý hồ sơ liên thông tại Văn phòng UBND tỉnh				
B8: Tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm	Trung tâm nhận hồ sơ liên thông, luân chuyển về Văn phòng UBND tỉnh xử lý	Trung tâm	02 giờ	- Hồ sơ.

B9: Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ	- Hồ sơ.
B10: Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn tham mưu xử lý	Phòng chuyên môn Văn phòng UBND tỉnh	05 ngày	Dự thảo văn bản
B11: Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phê duyệt, trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	Dự thảo văn bản
B12: Xem xét, quyết định	Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 giờ	Văn bản
B13: Phát hành kết quả giải quyết	- Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ. - Chuyển kết quả giải quyết cho Trung tâm.	Văn thư	04 giờ	Văn bản (Quyết định)
B14: Trả kết quả	- Công chức, viên chức tại Trung tâm trả kết quả sau khi công dân thực hiện nghĩa vụ tài chính - Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu 04 - Mời công dân đánh giá mức độ hài lòng, sau đó kết thúc việc trả kết quả trên phần mềm	- Công chức, viên chức tại Trung tâm - Tổ chức, cá nhân	Trong giờ hành chính	- Thu lại mẫu số 01 - Trả kết quả cho tổ chức, công dân.

II. LĨNH VỰC THÚ Y

1. Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp 1: Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày;
- Trường hợp 2: Hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện Hồ sơ;
- Trường hợp 3: Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục;
- Trường hợp 4: Hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện Hồ sơ và thực hiện khắc phục.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ	Hồ sơ.
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ	Hồ sơ.
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ	

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B4: Kiểm tra, xử lý hồ sơ	Tham mưu xử lý, thẩm định hồ sơ theo quy định hiện hành	Chuyên viên xử lý	16 ngày: đối với trường hợp 1,2	- Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá. - Biên bản kiểm tra
			21 ngày: đối với trường hợp 3,4	- Dự thảo: Thông báo kết quả đánh giá; Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật hoặc văn bản nêu rõ lý do với trường hợp cơ sở có kết quả đánh giá không đạt yêu cầu.
B5: xem xét/ đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng chuyên môn	01 ngày	- Dự thảo: Thông báo kết quả đánh giá; Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật hoặc văn bản nêu rõ lý do với trường hợp cơ sở có kết quả đánh giá không đạt yêu cầu.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B6: Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Sở NNMT	Lãnh đạo Chi cục CNTY		
B7: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở	01 ngày	- Thông báo kết quả đánh giá; - Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật Hoặc nêu rõ lý do với trường hợp cơ sở có kết quả đánh giá không đạt yêu cầu.
B8: Phát hành kết quả giải quyết	Văn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Văn thư	01 ngày	Hồ sơ
B9: Thông báo thực hiện nộp phí và Trả kết quả	- Công chức tại Trung tâm xác định và thông báo mức phí cho tổ chức, cá nhân. - Công chức tại Trung tâm trả kết quả sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ. - Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu 04. - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc việc trả kết quả trên phần mềm.	- Công chức tại Trung tâm - Tổ chức, cá nhân	Trong giờ hành chính	- Phí, lệ phí theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thu lại mẫu số 01

2. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Hồ sơ - Mẫu số 01 - Mẫu số 04
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ làm việc	- Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ làm việc	Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ làm việc	
B4: Kiểm tra, xử lý hồ sơ	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ theo quy định - Dự thảo văn bản trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên xử lý	03 ngày làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B5: xem xét/ đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận

B6: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét, quyết định	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ làm việc	Giấy chứng nhận
B7: Phát hành kết quả giải quyết	Vấn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Vấn thư	02 giờ làm việc	Giấy chứng nhận
B8: Trả kết quả	- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thông báo và thu phí (nếu có). - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.	- Công chức tại Trung tâm; - Tổ chức, cá nhân.	Trong giờ hành chính	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

3. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp 1: Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh được kiểm dịch như sau: Trong thời hạn **01 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.
- Trường hợp 2: Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Thú y:
 - + Trong thời hạn **01 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian kiểm dịch;
 - + Trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	01 giờ làm việc	Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	01 giờ làm việc	Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	01 giờ làm việc	
B4: Kiểm dịch viên xử lý hồ sơ	Thẩm định hồ sơ, tham mưu xử lý theo quy định hiện hành	Kiểm dịch viên	Đối với trường hợp 1 01 giờ làm việc Đối với trường hợp 2 01 giờ làm việc	Hồ sơ kiểm dịch: Đơn đăng ký kiểm dịch, Biên bản, mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch.
B5: Kiểm tra, cấp giấy Chứng nhận kiểm dịch	Kiểm dịch viên tiến hành kiểm tra lô hàng tại cơ sở.	Kiểm dịch viên	- Trường hợp 1: 04 giờ làm việc. - Trường hợp 2: 01 giờ làm việc.	- Trường hợp 1: Kiểm dịch viên tiến hành cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch tại cơ sở; - Trường hợp 2: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch tại cơ sở.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
			hợp 2: 3,5 ngày làm việc	chứng nhận kiểm dịch (nếu lô hàng đạt yêu cầu). - Trường hợp 2: Kiểm dịch viên tiến hành kiểm tra lô hàng tại cơ sở; lấy mẫu và chuyển đến cơ quan phân tích; Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu lô hàng đạt yêu cầu). - Trường hợp chỉ tiêu xét nghiệm bệnh dương tính, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định về phòng chống dịch bệnh thủy sản.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B6: Trả kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, công dân. - Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp phí theo quy định. - Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu số 04. - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc việc trả kết quả trên phần mềm.	Kiểm dịch viên; Công chức, viên chức tại Trung tâm; tổ chức, cá nhân	Trong giờ hành chính	- Phiếu thu - Thu lại mẫu số 01 - Trả kết quả cho tổ chức, công dân

4. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp 1: Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPT; từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: **01 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát dịch bệnh.

- Đối với trường hợp 2: Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: **05 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát dịch bệnh.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân. - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ làm việc	- Hồ sơ - Đơn đăng ký
B3: Xử lý của Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	a) Trường hợp 1: - Xuống cơ sở kiểm tra theo hồ sơ công dân đăng ký (thực hiện theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT) - Cấp Giấy Chứng nhận kiểm dịch cho cơ sở đủ điều kiện theo quy định. b) Đối với trường hợp 2: - Xuống cơ sở kiểm tra theo hồ sơ công dân đăng ký (thực hiện theo Điều 37 Luật Thú y, Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT) - Cấp Giấy Chứng nhận kiểm dịch cho cơ sở đủ điều kiện theo quy định.	- Kiểm dịch viên động vật. - Tổ chức, cá nhân.	04 giờ làm việc	Giấy chứng nhận kiểm dịch và các hồ sơ liên quan
			4,5 ngày làm việc	
B4: Hoàn thiện hồ sơ	Kiểm dịch viên động vật cập nhật tình hình, kết quả giải quyết TTHC vào phần mềm.	- Công chức, viên chức tại Trung tâm - Kiểm dịch viên động vật.	02 giờ làm việc	Lưu hồ sơ

5. Cấp giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp 1: Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày;
- Trường hợp 2: Hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ;
- Trường hợp 3: Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục;
- Trường hợp 4: Hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	04 giờ	-Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ	Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ	

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B4: Kiểm tra, xử lý Hồ sơ	- Tham mưu xử lý, thẩm định hồ sơ theo quy định hiện hành - Ký Quyết định thành lập Đoàn đánh giá.	Chuyên viên xử lý	26 ngày đối với trường hợp 1,2	- Dự thảo Quyết định thành lập đoàn đánh giá. - Biên bản kiểm tra
			31 ngày đối với trường hợp 3,4	- Dự thảo: Thông báo kết quả đánh giá; Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật hoặc văn bản nêu rõ lý do với trường hợp vùng có kết quả đánh giá không đạt yêu cầu.
B5: Xem xét/đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng chuyên môn	01 ngày	- Dự thảo: Thông báo kết quả đánh giá; Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật hoặc văn bản nêu rõ lý do với trường hợp vùng có kết quả đánh giá không đạt yêu cầu.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B6: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét, quyết định	Lãnh đạo Chi cục CNTY	01 ngày	- Thông báo kết quả đánh giá; - Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật Hoặc nêu rõ lý do với trường hợp vùng có kết quả đánh giá không đạt yêu cầu.
B7: Phát hành kết quả giải quyết	Văn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Văn thư	04 giờ	Hồ sơ
B9: Thông báo thực hiện nộp phí và Trả kết quả	- Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp phí theo quy định. - Trả kết quả cho tổ chức, công dân. - Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu số 04. - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc việc trả kết quả trên phần mềm.	- Công chức tại Trung tâm - Tổ chức	Trong giờ hành chính	- Phí, lệ phí theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thu lại mẫu số 01

6. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y

Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ làm việc	
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ làm việc	- Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ làm việc	- Hồ sơ
B4: Kiểm tra, xử lý hồ sơ	- Kiểm tra hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y;	Chuyên viên xử lý	5,5 ngày làm việc	- Hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận
B5: xem xét/ đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng	02 giờ làm việc	- Hồ sơ; - Dự thảo Giấy xác nhận
B6: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét, quyết định	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ làm việc	Giấy xác nhận

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B7: Phát hành kết quả giải quyết	Văn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Văn thư	02 giờ làm việc	Giấy xác nhận
B6: Trả kết quả	- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thông báo và thu phí (nếu có). - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.	Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Thu lại mẫu số 1 - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

7. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)

Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ làm việc	Hồ sơ

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ làm việc	Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ làm việc	
B4: Kiểm tra, xử lý hồ sơ	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ theo quy định - Dự thảo văn bản trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên xử lý	01 ngày làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Chứng chỉ hành nghề
B5: xem xét/ đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Chứng chỉ hành nghề
B6: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét, quyết định	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ làm việc	Chứng chỉ hành nghề
B7: Phát hành kết quả giải quyết	Văn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Văn thư	02 giờ làm việc	Chứng chỉ hành nghề
B8: Trả kết quả	- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thông báo và thu phí (nếu có). - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.	- Công chức tại Trung tâm; - Tổ chức, cá nhân.	Trong giờ hành chính	- Chứng chỉ hành nghề; - Hồ sơ

8. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập đủ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, - Công chức, viên chức tại Trung tâm.	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ làm việc	- Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ làm việc	Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ làm việc	
B4: Kiểm tra, xử lý hồ sơ	Tham mưu xử lý, thẩm định hồ sơ theo quy định hiện hành	Chuyên viên xử lý	03 ngày làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo giấy chứng nhận. - Trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B5: xem xét/ đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo giấy chứng nhận. - Trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
B6: Lãnh đạo Chi cục xem xét, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ làm việc	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật
B7: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định	Lãnh đạo Sở	02 giờ làm việc	Hồ sơ
B8: Phát hành kết quả giải quyết	Văn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Văn thư	02 giờ làm việc	
B9: Thông báo thực hiện nộp phí và trả kết quả	- Công chức tại Trung tâm xác định và thông báo mức phí cho tổ chức, cá nhân. - Công chức tại Trung tâm trả kết quả sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ. - Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu 04. - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc việc trả kết quả trên phần mềm.	- Công chức tại Trung tâm - Tổ chức, cá nhân	Trong giờ hành chính	- Phí, lệ phí theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thu lại mẫu số 01

9. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ làm việc	Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ làm việc	- Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ làm việc	
B4: Kiểm tra, xử lý hồ sơ	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ theo quy định - Dự thảo văn bản trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên xử lý	03 ngày làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B5: xem xét/ đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B6: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét, quyết định	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ làm việc	Giấy chứng nhận

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B7: Phát hành kết quả giải quyết	Vấn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Vấn thư	02 giờ làm việc	
B8: Trả kết quả	- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thông báo và thu phí (nếu có). - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.	- Công chức tại Trung tâm; - Tổ chức, cá nhân.	Trong giờ hành chính	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

10. Cấp lại giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	04 giờ làm việc	- Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ làm việc	- Hồ sơ

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ làm việc	
B4: Kiểm tra, xử lý hồ sơ	Tham mưu xử lý, thẩm định Hồ sơ theo quy định hiện hành	Chuyên viên xử lý	02 ngày làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo giấy chứng nhận - Trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
B5: Xem xét/đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Dự thảo giấy chứng nhận - Trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
B6: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét, quyết định	Lãnh đạo Chi cục CNTY	04 giờ làm việc	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật
B7: Phát hành kết quả giải quyết	Vấn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Vấn thư	04 giờ làm việc	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B8: Thông báo thực hiện nộp phí và trả kết quả	- Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp phí theo quy định. - Trả kết quả cho tổ chức, công dân. - Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu số 04. - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc việc trả kết quả trên phần mềm.	- Công chức, viên chức tại Trung tâm - Tổ chức	Trong giờ hành chính	- Phí, lệ phí theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thu lại mẫu số 01

11. Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh
(gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật, buôn bán thuốc thú y)

Thời hạn giải quyết:

Trường hợp 1: 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới;

Trường hợp 2: 03 ngày làm việc trong trường hợp gia hạn

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm. - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Trung tâm	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 01 - Mẫu số 04 - Hồ sơ

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Chi cục CNTY để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Trung tâm	02 giờ làm việc	- Hồ sơ
B3: Phân công xử lý	Lãnh đạo Chi cục phân công cho phòng chuyên môn xử lý	Lãnh đạo Chi cục CNTY	02 giờ làm việc	- Hồ sơ
	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 giờ làm việc	
B4: Kiểm tra, xử lý hồ sơ	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ theo quy định - Dự thảo văn bản trình lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên xử lý	2,5 ngày làm việc đối với trường hợp 1	
			1,5 ngày làm làm việc đối với trường hợp 2	- Hồ sơ - Dự thảo Chúng chi hành nghề

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B5: xem xét/ đề xuất	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trình lãnh đạo chi cục	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ làm việc đối với trường hợp 1; 02 giờ làm việc đối với trường hợp 2	- Hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng nhận
B6: Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục xem xét, quyết định	Lãnh đạo Chi cục CNTY	01 ngày làm việc đối với trường hợp 1; 02 giờ làm việc đối với trường hợp 2	Giấy chứng nhận
B7: Phát hành kết quả	Văn thư vào sổ, đóng dấu và chuyển kết quả cho Trung tâm	Văn thư	02 giờ làm việc	Giấy chứng nhận
B8: Trả kết quả	- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thông báo và thu phí (nếu có). - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.	- Công chức tại Trung tâm; - Tổ chức, cá nhân.	Trong giờ hành chính	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1. Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

Thời gian giải quyết: 90 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân; - Công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	Trong giờ hành chính	- Mẫu 01; - Mẫu 04; - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ giấy, điện tử về cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Bộ phận một cửa cấp huyện	04 giờ	Hồ sơ
B3: Phân công xử lý hồ sơ	Cơ quan chuyên môn cấp huyện phân công công chức, viên chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn	04 giờ	Hồ sơ

B4: Xử lý hồ sơ	Tham mưu xử lý, thẩm định hồ sơ theo quy định	Công chức, viên chức xử lý	86 ngày	- Hồ sơ - Dự thảo Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B5: Xem xét, đề xuất	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn cấp huyện xem xét hồ sơ, trình UBND cấp huyện	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn	01 ngày	- Hồ sơ - Dự thảo Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B6: Phê duyệt hồ sơ	UBND cấp huyện xem xét, quyết định	UBND cấp huyện	01 ngày	Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B7: Phát hành kết quả	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển kết quả cho Bộ phận Một cửa cấp huyện	Văn thư UBND cấp huyện	01 ngày	Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B8: Trả kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức cá nhân - Ký xác nhận kết quả tại mẫu số 04 - Mời hộ gia đình, tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc hồ sơ trên phần mềm.	- Công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện - Tổ chức, cá nhân	Trong giờ hành chính	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thu lại mẫu số 01

2. Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

Thời gian giải quyết: 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/ người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
B1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ - Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào phần mềm - Thực hiện số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.	- Tổ chức, cá nhân - Công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	Trong giờ hành chính	- Mẫu 01; - Mẫu 04; - Hồ sơ
B2: Chuyển hồ sơ	Chuyển hồ sơ giấy, điện tử về cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện để phân công xử lý	Công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	04 giờ	Hồ sơ
B3: Phân công xử lý hồ sơ	Cơ quan chuyên môn cấp huyện phân công cho công chức, viên chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn	04 giờ	Hồ sơ
B4: Xử lý hồ sơ	Tham mưu xử lý, thẩm định hồ sơ theo quy định	Công chức, viên chức xử lý	36 ngày	- Hồ sơ - Dự thảo Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết

B5: Xem xét, đề xuất	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn cấp huyện xem xét hồ sơ, trình UBND cấp huyện	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn cấp huyện	01 ngày	- Hồ sơ - Dự thảo Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B6: Phê duyệt hồ sơ	UBND cấp huyện xem xét, quyết định	UBND cấp huyện	01 ngày	Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B7: Phát hành kết quả	Văn thư vào sổ văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển kết quả cho Bộ phận Một cửa cấp huyện	Văn thư UBND cấp huyện	01 ngày	Quyết định hoặc văn bản nếu không đủ điều kiện giải quyết
B8: Trả kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức cá nhân - Ký xác nhận kết quả tại mẫu số 04 - Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng - Kết thúc hồ sơ trên phần mềm.	- Công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện - Tổ chức, cá nhân	Trong giờ hành chính	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thu lại mẫu số 01